TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HS-ST
Ngày: 17-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Toàn

Ông Nguyễn Tấn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2023 đối với

- *Bị cáo:*

Lê Thị Diễm T, sinh năm 1990, nơi sinh: thành phố L, tỉnh A; nơi cư trú: Số C, khóm M, phường M1, thành phố L, tỉnh A; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn H, sinh năm 1968 và bà Lê Thị Phương E, sinh năm 1970; bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Văn Ng sinh năm 1994, bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học đến lớp 5 thì nghỉ.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27 tháng 8 năm 2022 cho đến nay tại Nhà tạm giam Công an thành phố L.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Diễm T: Luật sư Trần Đức N - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Đức N thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. Địa chỉ: C P, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (SĐT 0909.702.051) (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị Minh T, sinh năm 2000. Địa chỉ: C khóm Đ 1, phường M, thành phố L, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: Phòng số D, nhà trọ B, đường U, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A .

2. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: Nhà trọ B, đường U, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ C, khóm X, thị trấn T, huyện T1, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: Nhà trọ B, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh A. Tạm trú: Số A đường số V, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh A.

4. Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 2001.Địa chỉ: C tổ A khóm B, phường B1, thành phố L, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: Nhà trọ C, số V, đường Tr, khóm B 1, phường B, thành phố L, tỉnh A.

5. Bà Trương Thị Trà M, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số B T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: Nhà trọ B, đường U, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A

6. Bà Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số C khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Q, xã Th, huyện V, thành phố C. Nơi ở hiện nay: Số A đường Tr, khóm B 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

8. Bà Mai Diễm Lệ H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số A khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: Số V L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Dương Thị Lan A, sinh năm 1987.

2. Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1990.

3. Bà Phan Thị Thu D, sinh năm 2003.

4. Ông Phan Thanh M, sinh năm 1999.

5. Ông Hồ Nguyễn T, sinh năm 2000.

6. Ông Lê Khắc H, sinh năm 2001.

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1997.

8. Ông Đinh Phước S, sinh năm 2003.

9. Bà Nguyễn Thị Phương Nh, sinh năm 2001.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 27 tháng 8 năm 2022, nhận được tin báo về tội phạm của quần chúng nhân dân, Văn phòng điều tra Công an tỉnh A kiểm tra khách sạn L ở số 19, 20, 21D đường L, phường M phát hiện 02 phòng 304, 401 thực hiện hành vi mua bán dâm. Phòng 304 người nam khai tên Phạm Thanh S và Đỗ Thị Minh T đang thực hiện hành vi mua bán dâm. Phòng 401 người nam khai tên Nguyễn Thái C và Nguyễn Thị Hồng L đang thực hiện hành vi mua bán dâm, những người này thực hiện hành vi mua bán dâm do Lê Thị Diễm T môi giới nên đã lập biên bản và thu giữ vật chứng.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: Căn cước công dân số 089300003420 tên Đỗ Thị Minh T; Căn cước công dân số 089195014346 tên Nguyễn Thị Hồng L; Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro số máy MLT83ZA/A và 2.000.000 đồng của Đỗ Thị Minh T; Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno màu hồng, số EMEI: 869414049430914 và 2.450.000 đồng của Nguyễn Thị Hồng L; 01 bao cao su hiệu OK chưa sử dụng; 01 bao cao su hiệu Sure @ đã sử dụng; Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh lá, số EMEI: 352866111911150; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank và 5.000.000 đồng do Lê Thị Diễm T giao nộp. (bút lục số từ 01 đến 04, 09)

Quá trình điều tra xác định: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khách sạn L do bà Mai Diễm L đăng ký kinh doanh hoạt động từ ngày 04 tháng 4 năm 2017 đến nay. H thuê nhiều nhân viên nhưng không ký hợp đồng lao động, gồm: Lê Thị Bích H, Nguyễn Thị Phương Nh là tiếp tân; Nguyễn Văn T, Đinh Phước S, Lê Khắc H, Hồ Nguyễn T làm nhiệm vụ phục vụ tại các phòng hát karaoke và giữ xe. Đến khoảng tháng 02 năm 2022 T vào làm tiếp viên hát Karaoke tại khách sạn nhưng không thông qua H. Trong quá trình làm tiếp viên tại khách sạn thấy khách hát Karaoke có nhu cầu mua dâm, để có thêm thu nhập T tạo nhóm Zalo "Những cô gái" để điều hành, môi giới cho nhiều tiếp viên nữ bán dâm tại khách sạn. T quy định giá bán dâm là từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng/lần, tiền thuê phòng do người mua dâm trả. Mỗi lần bán dâm, gái bán dâm cho T 100.000 đồng. Từ khoảng 02 năm 2022 đến ngày 27 tháng 8 năm 2022, T đã nhiều lần môi giới cho Đỗ Thị Minh T, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Cẩm T, Phan Thị Thu Ng, Trương Thị Trà M, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ngọc Th, Dương Thị Lan A bán dâm cho nhiều nam thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ tại khách sạn L, T không xác định được số tiền thu lợi.

Khoảng 21 giờ ngày 27 tháng 8 năm 2022, U không rõ họ, địa chỉ gọi điện cho T đặt phòng hát Karaoke và yêu cầu 04 tiếp viên nữ phục vụ hát karaoke, trong đó có có 02 người bán dâm thì T đồng ý. Khoảng 15 phút sau, U cùng với người khai tên Nguyễn Thái C, người khai tên Phạm Thanh S và người không rõ họ tên đến khách sạn L vào phòng K3 gặp T thỏa thuận giá bán dâm. Sau đó, T đến phòng chờ K5 kêu Đỗ Thị Minh T, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Cẩm T, Phan Thị Thu Ng vào phòng K3 để phục vụ hát karaoke và bán dâm. Sau khi vào phòng K3 người khai tên Phạm Thanh S và Nguyễn Thái C kêu đi lấy phòng mua bán dâm thì T và L xuống quầy lễ tân gặp Nguyễn Thị Phương Nh lấy chìa khóa

phòng 304, 401. T và S vào phòng 304, L và C vào phòng 401 để thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang như nêu trên.

Căn cứ kết luận giám định số 299/KL-KTHS(KTSĐT-GT) ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang xác định: tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max của Lê Thị Diễm T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno của Nguyễn Thị Hồng L, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro của Đỗ Thị Minh T chi tiết thể hiện trong phụ lục và đĩa DVD dữ liệu trích xuất kèm theo. Kèm theo kết luận giám định 01 phụ lục gồm 119 T A4 và 01 đĩa DVD có tổng dụng lượng 1,65GB (bút lục số 68).

Tại cáo trạng số 22/CT-VKSLX-HS ngày 23/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Lê Thị Diễm T về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Thị Diễm T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "*Môi giới mại dâm*".

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 328 xử phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su không còn giá trị sử dụng

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax bị cáo dùng để môi giới mại dâm, 2.000.000 đồng là tiền bán dâm của Thư và Lan

- Trả lại cho Đỗ Thị Minh T điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, 1.000.000 đồng và căn cước công dân là tài sản cá nhân của Thư không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho Nguyễn Thị Hồng L điện thoại di động hiệu Oppo Reno, 1.450.000 đồng và căn cước công dân là tài sản cá nhân của Lan không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo thẻ ATM ngân hàng Sacombank và 5.000.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội.

Căn cứ vào lời khai của T, L, T thì bị cáo đã có 240 lần môi giới cho T, L, T bán dâm, mỗi lần T, L, T đều đưa cho bị cáo 100.000 đồng nên buộc bị cáo nộp lại 24.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc môi giới mại dâm

Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, về hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có phần nghiêm khắc, đề nghị có xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Về hình phạt bổ sung, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có nghề ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Lê Thị Diễm T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời sau cùng đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là những người bán dâm, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Từ tháng 02 năm 2022 đến ngày 27 tháng 8 năm 2022, bị cáo Lê Thị Diễm T đã nhiều lần thực hiện hành vi môi giới cho nhiều người mua bán dâm tại khách sạn L, mỗi lần giới thiệu bán dâm cho người bán dâm thì người bán dâm cho bị cáo 100.000 đồng. Do đó,bị cáo Lê Thị Diễm T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi môi giới mại dâm với lỗi cố ý, bị cáo thực hiện hành vi xâm phạm đến trật tự công cộng. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới mại dâm"theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với:

Đỗ Thị Minh T, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Cẩm T, Phan Thị Thu Ng, Trương Thị Trà M, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ngọc Th, Dương Thị Lan A có hành vi bán dâm là vi phạm pháp luật nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Xuyên đã đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Mai Diễm L là chủ khách sạn L để xảy ra hoạt động mua bán dâm tại khách là vi phạm pháp luật nên Công an thành phố L đã lập hồ sơ chuyển cho Ủy ban nhân dân thành phố L đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh A xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người trưởng thành, khỏe mạnh, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, biết rõ hành vi làm trung gian để các bên thực hiện việc mua dâm, bán dâm là vi phạm pháp luật nhưng vì số tiền được chia từ hành vi môi giới mại dâm. Đồng thời, bị cáo cũng biết trước đó tại khách sạn này đã có bị cáo bị xét xử về tội môi giới mại dâm nhưng vẫn cố ý nhiều lần thực hiện hành vi môi giới mại dâm, điều này thể hiện bị cáo đã xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt:

Bị cáo Lê Thị Diễm T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Đồng thời, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

Đối với đề nghị của luật sư về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án", tình tiết này được hiểu là trường hợp người phạm tội có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, giúp các cơ quan này phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới. Tuy nhiên, quá trình điều tra ban đầu bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, gây khó khăn cho quá trình điều tra nên không có căn cứ để áp dụng đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Diễm T phạm tội "Môi giới mại dâm".

[1.1] Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Thị Diễm T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù

Thời hạn tù tính từ ngày: 27 tháng 8 năm 2022.

[1.2] Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

[2]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

[2.1] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su không còn giá trị sử dụng

Tịch thu sung ngân sách nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax bị cáo dùng để môi giới mại dâm, 2.000.000 đồng là tiền bán dâm của T và L.

Trả lại cho Đỗ Thị Minh T điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, 1.000.000 đồng và căn cước công dân là tài sản cá nhân của T không liên quan đến việc phạm tội.

Trả lại cho Nguyễn Thị Hồng L đện thoại di động hiệu Oppo Reno, 1.450.000 đồng và căn cước công dân là tài sản cá nhân của L không liên quan đến việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo thẻ ATM ngân hàng Sacombank và 5.000.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L và Quyết định chuyển vật chứng số 20/QĐ-VKSLX-HS ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L)

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính: 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an TP. Long Xuyên;
- CQTHAHS Công an TP. Long Xuyên;
- CQĐT Công an TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt